

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 116 /2020/DS-ST

Ngày: 14/10/ 2020

“V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thông

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Vĩnh Mậu và ông Nguyễn Văn Màu.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Trúc - Thư ký Tòa án.

Đại diện VKS nhân dân huyện T, Bình Định: Ông Nguyễn Văn Quang , KSV.

Ngày 14 tháng 10 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 988/2020/QĐXX-ST ngày 13 tháng 8 năm 2020, và Quyết định hoãn phiên Tòa số 1377/2020/QĐXX-ST ngày 14 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T, tỉnh Bình Định, do ông Nguyễn Văn T đại diện theo ủy quyền (có mặt) .

Địa chỉ: 15 T, thị trấn T, huyện T, Bình Định.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1 , sinh 1969 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bà Trần Thị H, sinh 1965(vắng mặt).

Đồng địa chỉ: Thôn D, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan :

Anh Nguyễn Tường h, sinh 1991(có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn D, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

Chị Huỳnh Thị Như Tr, sinh 1983 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Phó chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

Chị Huỳnh Thị L, sinh 1961(có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Tổ trưởng tổ vay vốn thôn D, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 2 năm 2020, tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội (NHCSXH) huyện T, do ông Nguyễn Văn T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Về số nợ và quá trình vay của vợ chồng bà Trần Thị H, ông Nguyễn Văn T1

như sau:

1. Đối với khoản vay của Chương trình học sinh sinh viên:

- Theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và kế ước nhận nợ ngày 09/01/2008 thì hộ gia đình ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị H đề nghị NHCSXH cho vay số tiền 48.000.000 đồng, để cho 2 sinh viên Nguyễn Tường Q và Nguyễn Tường V đi học. Sau khi có kết quả phê duyệt, bà H được Phòng giao dịch NHCSXH huyện giải ngân như sau:

- + Ngày 15/01/2008 giải ngân 8.000.000 đồng, lãi suất cho vay 0,5%/tháng;
- + Ngày 04/4/2008 giải ngân 8.000.000 đồng, lãi suất cho vay 0,5%/tháng;
- + Ngày 07/10/2008 giải ngân 8.000.000 đồng, lãi suất cho vay 0,5%/tháng;
- + Ngày 15/02/2009 giải ngân 8.000.000 đồng, lãi suất cho vay 0,5%/tháng;
- + Ngày 08/12/2009 giải ngân 4.300.000 đồng, lãi suất cho vay 0,5%/tháng (món vay này được hưởng ưu đãi giảm lãi của Chính phủ, nên từ ngày 08/12/2009 đến 07/12/2011 lãi suất cho vay là 0,17%);

- + Ngày 27/4/2010 giải ngân 4.300.000 đồng, lãi suất cho vay 0,5%/tháng.

Tổng số tiền đã giải ngân là 40.600.000đ

- Thời hạn thỏa thuận trả nợ cuối cùng là ngày 15/4/2017.

Trong quá trình vay khoản học sinh, sinh viên : Hộ gia đình ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị H đã trả nợ cho NHCSXH tổng số tiền 39.600.000 đồng nên còn nợ gốc là 1.000.000đ và nợ tiền lãi tính đến ngày 14/10/ 2020 là 13.142.353đ .

Như vậy, tính đến ngày 14/10/2020 hộ gia đình ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị H còn nợ NHCSXH tổng cộng 14.142.353 đồng.

Trong hồ sơ vay và hồ sơ trả nợ đều có chữ ký của vợ chồng ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị H.

2. Đối với khoản vay của Chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn:

- Theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 12/02/2017 thì hộ gia đình ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị H đề nghị NHCSXH cho vay số tiền 12.000.000 đồng, để xây nhà vệ sinh và bắt nước sạch. Sau khi có kết quả phê duyệt, bà H được Phòng giao dịch NHCSXH huyện giải ngân như sau:

- + Ngày 15/03/2017 giải ngân số tiền 12.000.000 đồng, lãi suất cho vay 0,75%/tháng.

- Thời hạn thỏa thuận trả nợ cuối cùng là ngày 15/3/2022.

- Từ ngày vay hộ gia đình ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị H chưa trả nợ gốc và lãi theo định kỳ đã cam kết cho NHCSXH.

Tính đến ngày 14/10/2020 hộ gia đình ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị H còn nợ NHCSXH về khoản vay của Chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn:

Nợ gốc 12.000.000 đồng và nợ lãi 3.867.000đồng.

Tổng cộng : 15.867.000 đồng.

Nay Phòng giao dịch NHCSXH huyện T yêu cầu hộ gia đình ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị H trả nợ 2 khoản:

-Vay khoản học sinh, sinh viên : nợ gốc là 1.000.000đ và nợ tiền lãi tính đến ngày 14/10/ 2020 là 13.142.353đ, tổng cộng 14.142.353 đồng.

- Vay khoản Chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn:

Nợ gốc 12.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 14/10/2020 là 3.867.000đồng.

Tổng cộng : 15.867.000 đồng.

Tổng cộng nợ của 2 khoản vay mà hộ ông T1, bà H phải trả là 30.009.353đ.

và tiền lãi phát sinh mới được tính theo quy định .

Ngoài ra không yêu cầu gì khác

*Vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai bị đơn ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị H thống nhất trình bày :

-Đối với khoản vay của Chương trình học sinh sinh viên: Vợ chồng ông T1, bà H công nhận vào ngày 9/1/2018 có làm giấy đề nghị vay vốn của Ngân hàng chính sách xã hội huyện T và công nhận đã nhận tiền vay gốc là 46.000.000đ nhưng trong quá trình vay đã trả được 30.100.000 đ tiền gốc nên công nhận còn nợ tiền gốc là 10.500.000đ chứ không phải nợ gốc 1.000.000đ như đại diện Ngân hàng trình bày.

Nay Ngân hàng chính sách xã hội huyện T yêu cầu trả nợ đối với khoản vay của Chương trình học sinh sinh viên vay số tiền gốc nợ gốc là 1.000.000đ và nợ tiền lãi tính đến ngày 10/2/ 2020 là 12.762.207đ. Tổng cộng 13.762.207đ là đúng về tổng số tiền nợ nhưng ông T1, bà H công nhận nợ gốc và xin trả gốc 10.500.000đ tiền gốc và xin không trả tiền lãi vì kinh tế gia đình khó khăn.

- Đối với khoản vay Chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn:

Nợ gốc 12.000.000 đồng

Vợ chồng ông T1 , bà H không chấp nhận trả nợ vì không vay khoản này vì không ký vào hồ sơ vay khoản này.

*Vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Tường N trình bày : Chị N là con của ông T1, bà H, chị N công nhận chữ ký vào “ Giấy ủy quyền” và “ Phiếu giải ngân” đề cùng ngày 15/3/2017 là chữ ký của chị N nhưng thực tế là không nhận tiền mà ký để trả tiền khoản vay “Chương trình học sinh sinh viên”.

Chị N thống nhất như trình bày của ông T1, bà H nên chỉ chấp nhận trả nợ khoản vay “Chương trình học sinh sinh viên” mà không chấp nhận trả nợ khoản vay “Chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn” , Nợ gốc 12.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 10/2/ 2020 là 12.762.207đ ; Tổng cộng : 15.134.107 đồng như Ngân hàng yêu cầu.

*Vắng mặt tại phiên tòa nhưng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị Như Tr , chị Huỳnh Thị L có bản tự khai trình bày : Chị Tr và chị L thống nhất như trình bày của ông Nguyễn Văn T đại diện cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện T về 2 khoản vay “Chương trình học sinh sinh viên” và “Chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn” mà vợ chồng ông T1, bà H đã vay và đã trả và số tiền còn nợ . Chị Tr và chị L chứng kiến việc Ngân hàng chính sách xã hội huyện T giải ngân tiền vay cho ông T1, bà H.

Chị Tr và chị L đã cùng phối hợp với các đoàn thể đồng viên ông T1, bà H trả nợ nhưng ông T1, bà H không trả còn có lời lẽ xúc phạm.

Nay chị Tr và chị L yêu cầu ông T1, bà H phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện T.

* Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Tường N, chị Huỳnh Thị Như Tr, chị Huỳnh Thị L đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ; bị đơn bà Trần Thị H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng từ chối phiên hòa giải và tại phiên tòa và yêu cầu đối với nguyên đơn.

* Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý đơn khởi kiện đến tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử, nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn bị đơn bà Trần Thị H không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án này có bị đơn cư trú tại huyện T, tỉnh Bình Định; vì vậy, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định theo qui định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Tường N, chị Huỳnh Thị Như Tr, chị Huỳnh Thị L đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ; bị đơn bà Trần Thị H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng từ chối phiên hòa giải và tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T1, bà H, chị N, chị Tr, chị L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phòng giao dịch NHCSXH huyện T, đối với bị đơn bị đơn ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị H, chị Nguyễn Tường N phải trả nợ vì

Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội (NHCSXH) huyện T. do ông Nguyễn Văn T, Chức vụ: Phó giám đốc đại diện theo ủy quyền trình bày về số nợ và quá trình vay của vợ chồng bà Trần Thị H, ông Nguyễn Văn T1 .

1. Đối với khoản vay của Chương trình học sinh sinh viên: Theo trình bày của đại diện Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội (NHCSXH) huyện T, do ông Nguyễn Văn T, bị đơn ông Nguyễn Văn T1, bà Trần Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Tường N, chị Huỳnh Thị Như Tr, chị Huỳnh Thị L trình bày và các chứng cứ cung cấp thì có đủ căn cứ xác định:

- Theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và kế ước nhận nợ ngày 09/01/2008 thì hộ gia đình ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị H đề nghị NHCSXH cho vay số tiền 48.000.000 đồng, để cho 2 sinh viên Nguyễn Tường Q và Nguyễn Tường V đi học. Sau khi có kết quả phê duyệt, bà H được Phòng giao dịch NHCSXH huyện giải ngân như sau:

- + Ngày 15/01/2008 giải ngân 8.000.000 đồng, lãi suất cho vay 0,5%/tháng;
- + Ngày 04/4/2008 giải ngân 8.000.000 đồng, lãi suất cho vay 0,5%/tháng;
- + Ngày 07/10/2008 giải ngân 8.000.000 đồng, lãi suất cho vay 0,5%/tháng;
- + Ngày 15/02/2009 giải ngân 8.000.000 đồng, lãi suất cho vay 0,5%/tháng;
- + Ngày 08/12/2009 giải ngân 4.300.000 đồng, lãi suất cho vay 0,5%/tháng (món vay này được hưởng ưu đãi giảm lãi của Chính phủ, nên từ ngày 08/12/2009 đến 07/12/2011 lãi suất cho vay là 0,17%);
- + Ngày 27/4/2010 giải ngân 4.300.000 đồng, lãi suất cho vay 0,5%/tháng.

Tổng số tiền đã giải ngân là 40.600.000đ

- Thời hạn thỏa thuận trả nợ cuối cùng là ngày 15/4/2017.

Trong hồ sơ vay và hồ sơ trả nợ đều có chữ ký của vợ chồng ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị H.

Trong quá trình vay khoản học sinh, sinh viên : Hộ gia đình ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị H đã trả nợ cho NHCSXH tổng số tiền 39.600.000 đồng nên còn nợ gốc là 1.000.000đ và nợ tiền lãi tính đến ngày 14/10/ 2020 là 13.142.353đ .

Nay Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội (NHCSXH) huyện T yêu cầu trả nợ thì buộc ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị H, chị Nguyễn Tường N phải có nghĩa vụ trả nợ khoản vay “Học sinh, sinh viên” số tiền nợ gốc là 1.000.000đ và nợ tiền lãi tính đến ngày 14/10/ 2020 là 13.142.353đ.

Tổng cộng 14.142.353 đồng.

- Bác lời nại của ông T1, bà H, chị N công nhận nợ và xin trả dần tiền gốc 10.500.000đ, xin không trả tiền lãi vì kinh tế gia đình khó khăn vì đại diện Ngân hàng không đồng ý và không phù hợp pháp luật .

2. Đối với khoản vay của Chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn:

- Theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 12/02/2017 thì hộ gia đình ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị H đề nghị NHCSXH cho vay số tiền 12.000.000 đồng, để xây nhà vệ sinh và bắt nước sạch. Sau khi có kết quả phê duyệt, bà H được Phòng giao dịch NHCSXH huyện giải ngân như sau:

+ Ngày 15/03/2017 giải ngân số tiền 12.000.000 đồng, lãi suất cho vay 0,75%/tháng.

- Thời hạn thỏa thuận trả nợ cuối cùng là ngày 15/3/2022.

- Hộ gia đình ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị H chưa trả nợ cho NHCSXH.

Như vậy, tuy chưa đến hạn trả hết gốc và lãi nhưng ông T1, bà H vi phạm định kỳ trả nợ , nay Phòng giao dịch NHCSXH huyện T yêu cầu trả nợ thì phải trả nợ gốc 12.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 14/10/2020 là 3.867.000đồng. Tổng cộng : 15.867.000 đồng.

Xét lời nại của ông T1, bà H, chị N không ký vay khoản “Chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn” là không có căn cứ vì theo lời khai quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị Như Tr , chị Huỳnh Thị L và theo lời khai của chị bản tự khai của chị Nguyễn Tường N công nhận chữ ký vào “ Giấy ủy quyền” và “ Phiếu giải ngân” đề cùng ngày 15/3/2017 là chữ ký của chị N thì cả ông T1, bà H, chị N phải có nghĩa vụ trả nợ cho Phòng giao dịch NHCSXH huyện T gốc 12.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 14/10/2020 là 3.867.000đồng. Tổng cộng : 15.867.000 đồng.

Xét lời nại của chị Nguyễn Tường N công nhận có ký nhưng thực tế là không nhận tiền khoản vay “Chương trình học sinh sinh viên” là không có cơ sở.

Từ luận cứ trên tòa buộc ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị H, chị Nguyễn Tường N phải trả nợ khoản vay “ Chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn” , tiền gốc 12.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 14/10/2020 là 3.867.000đồng. Tổng cộng : 15.867.000 đồng.

Tổng cộng: Hai khoản vay “ Học sinh sinh viên” và khoản vay “Chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn” ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị H, chị Nguyễn Tường N còn nợ và phải trả cho Phòng giao dịch NHCSXH huyện T là 30.009.353đ (tính đến ngày 14/10/2020).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị H, chị Nguyễn Tường N Buộc phải nộp 1.500.000 sung công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ : Điều 335,463,466,468 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Buộc ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị H, chị Nguyễn Tường N phải có nghĩa vụ trả nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội (NHCSXH) huyện T đối với khoản vay của “Chương trình học sinh sinh viên” :

Nợ gốc là 1.000.000đ.

Nợ lãi : 13.142.353đ (tính đến ngày 14/10/ 2020) .

Tổng cộng 14.142.353 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu T hành án của người được T hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được T hành án) cho đến khi T hành án xong, hàng tháng bên phải T hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải T hành án theo khế ước nhận nợ ngày 09/01/2008 .

2. Buộc ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị H, chị Nguyễn Tường N phải trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội (NHCSXH) huyện T đối với khoản vay của “Chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn”

Nợ gốc: 12.000.000đ

Nợ lãi 3.867.000đồng, tính đến ngày (14/10 /2020) :

Tổng cộng: 15.867.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu T hành án của người được T hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được T hành án) cho đến khi T hành án xong, hàng tháng bên phải T hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải T hành án theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 12/02/2017

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị H, chị Nguyễn Tường N phải nộp 1.500.000 sung công quỹ nhà nước.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.; Ông Nguyễn Văn T1, bà Trần Thị H, chị Nguyễn Tường N vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được T hành theo qui định tại Điều 2 Luật T hành án dân sự thì người được T hành án dân sự, người phải T hành án dân sự có quyền thỏa thuận T hành án, quyền yêu cầu T hành án, tự nguyện T hành án hoặc bị cưỡng chế T hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật T hành án dân sự; thời hiệu T hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật T hành án dân sự.

Nơi nhận

Các Đương sự
VKSND, THÁ huyện T
Lưu hồ sơ vụ án

T M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TP- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thông